

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Bản án số: 249/2021/HS-ST
Ngày: 16/11/2021

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hải

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Tuất
2. Bà Nguyễn Thị Thắm

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Mai Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Duy H - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 255/2021/HSST ngày 08/9/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 255/2021/QĐXXST - HS ngày 12/10/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2021/HSST-QĐ ngày 26/10/2021 đối với bị cáo:

NGUYỄN ĐÌNH H, sinh năm 1983; ĐKKH và ở tại: Thôn 1, xã Đ, huyện T, Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: tự do; Văn hoá: 12/12; con ông Nguyễn Duy Sáng; con bà Phạm Thị Hồng; Vợ là Nguyễn Thị Thanh H; có 02 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2009; Danh chỉ bản: 000000185, lập ngày 01/4/2021, Công an huyện T; **Tiền án, tiền sự:** có 02 tiền sự đã hết thời hiệu, cụ thể: năm 2011, Công an huyện T xử phạt hành chính về hành vi “Tàng trữ trái phép vũ khí thô sơ” và “Sử dụng trái phép chất ma túy”; năm 2013, Công an huyện T xử phạt hành chính về hành vi “Xâm hại sức khỏe của người khác”; Vụ án này, bị cáo bắt tạm giam ngày 31/3/2021; Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 Công an Thành phố Hà Nội; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

****Người bào chữa cho bị cáo:*** Luật sư Nguyễn Thị H – Văn phòng Luật sư H – Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội. (theo đơn mời luật sư của bà Phạm Thị Hồng – mẹ đẻ bị cáo)

****Người bị hại:*** Anh Trần Nam P, sinh năm 1987; ĐKKH và ở tại: Thôn 2, xã Đ, huyện T, Hà Nội. (vắng mặt)

****Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1985; ĐKKHTT tại: Thôn 1, xã Đ, huyện T, Hà Nội. (có mặt)

2. Anh Nguyễn Huy T, sinh năm 1982; ĐKKHTT tại: thôn T, xã D, T, Hà Nội. (vắng mặt)

3. Anh Phạm Văn T, sinh năm 1982; ĐKKHTT tại: Thôn 2, xã V, huyện T, Hà Nội. (vắng mặt)

****Người làm chứng:*** Bà Trần Thị Thu H và anh Đặng Xuân T – Cùng trú tại:

Thôn T, xã D, huyện T, Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mối quan hệ quen biết, ngày 15/12/2019, anh Trần Nam P đứng ra bảo lãnh để bạn là chị Phạm Thị Thanh V vay của Nguyễn Đình H (*là anh họ của anh P*) số tiền 3.000.000 đồng. Ngay buổi tối cùng ngày, H đến gặp chị V đòi lại số tiền đã cho vay. Do đã sử dụng số tiền này nên chị V chưa thể trả nợ ngay cho H, sau đó cả hai xảy ra mâu thuẫn, tranh cãi với nhau. Thời điểm trên, anh P cũng có mặt và can ngăn. H đã yêu cầu anh P sau này phải có trách nhiệm trả nợ thay cho chị V.

Sáng ngày 26/01/2020, H và anh P đến ăn cỗ tại nhà anh Phạm Văn H ở thôn 4, xã D, huyện T, Hà Nội. Sau khi ăn uống xong, đến khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, anh P ra sân, lấy xe mô tô BKS: 29M1-721.89 để chở con trai là Trần Nam P (*sinh năm: 2014*) đi về. Thấy vậy, H cũng đứng dậy và đi ra đầu ngõ, mục đích chặn đường đòi tiền của anh P. Khi anh P điều khiển xe mô tô chở cháu P đi ra khỏi ngõ (khu vực đường giáp chân đê) thì bị H cầm trên tay 01 thanh tuýt bằng kim loại (*dài khoảng 70 cm, đường kính khoảng 02cm*) chặn đường của anh P và hỏi: "*Mày có trả tao tiền không?*" rồi dùng thanh tuýt bằng kim loại đánh vào người anh P, vừa đánh, vừa chửi anh P: "*Đ.mẹ mày có trả tiền không?*". Bị đánh, anh P rút chìa khóa xe mô tô, dựng chân chống xe, bế cháu P ra khỏi xe và bảo với H: "*Tao có vay mượn, nợ mày tiền đâu, mà ép tao trả?*" và nói sẽ bảo chị V trả tiền cho H. H bảo với anh P nếu không trả tiền thì không cho anh P đi, rồi tiếp tục dùng thanh kim loại đánh vào chân anh P. Cùng lúc này, anh Đặng Xuân T điều khiển xe mô tô, chở mẹ là bà Trần Thị Thu H đi đến. Anh T đi đến trước cổng nhà thờ của gia đình rồi dắt xe vào bên trong còn bà Hà đi đến can ngăn. Thấy H dùng thanh kim loại đánh vào chân anh P, bà Hà bảo H không đánh nữa để tránh đánh nhầm vào người cháu P và hỏi H tại sao đánh P thì H nói do P nợ tiền, H đã đòi nhiều lần nhưng không trả. Anh P giải thích mình không nợ tiền H mà là người khác. Bà Hà bảo H không đánh nữa rồi đi vào trong nhà. Sợ H tiếp tục đánh nên anh P bế cháu P định bỏ đi thì bị H liền dùng thanh kim loại chọc vào đầu gối anh P và bảo: "*Mày đi thì để lại chìa khóa đây*". Thấy cháu P khóc to và sợ H mất kiểm soát sẽ đánh cả cháu P nên anh P vút chìa khóa xe mô tô xuống đất rồi bế cháu P bỏ đi, sau đó gọi điện cho anh Vũ Văn T đến đưa đi khám thương ở bệnh viện đa khoa Nông Nghiệp. Sau khi anh P bế con bỏ đi, thấy bà Hà và anh T đi ra khỏi nhà thờ, H mở cổng và dắt xe mô tô của anh P vào dựng trong sân nhà thờ của gia đình T rồi đi bộ quay lại nhà anh Phạm Văn H. H đưa anh H chìa khóa xe và bảo anh H đến nhà anh T lấy xe mô tô của anh P về. Anh H cầm chìa khóa xe H đưa, rồi đến nhà thờ của gia đình T lấy xe mô tô của anh P mang về dựng ở sân nhà thì H đi vào sau, trên tay vẫn cầm tuýt bằng kim loại dài khoảng 70 cm, đường kính khoảng 02cm. H kể lại với anh H việc H vừa đánh P do anh P nợ tiền H không trả. Trước khi bỏ đi, H dặn anh H: "*Mày cất cho anh cái xe của thằng P, không được cho thằng P*"

nó lấy". Sau khi H bỏ đi, anh H cất chiếc xe mô tô của anh P vào trong bếp và gọi điện cho anh P đến lấy lại xe nhưng không liên lạc được.

Đến buổi chiều cùng ngày, anh P gọi điện cho em gái là chị Trần Thị Mai A và chị V để kể lại việc bị H đánh và cướp xe mô tô. Anh P nói do bị H đánh gây thương tích ở chân nên không đi lại được, bảo chị V mang tiền đến trả cho H để H trả lại xe đồng thời nhờ chị Mai A đi lấy xe về. Khoảng 17h 30' cùng ngày, chị V, anh T, chị Mai A và chồng là anh Trần Tiến D đến nhà H để lấy lại xe cho anh P. Tại nhà H, chị V và chị Mai A bảo với H: Chị V sẽ trả H lại số tiền 3.000.000 đồng để H trả lại xe mô tô cho anh P nhưng H không đồng ý để chị V trả nợ và không đồng ý trả lại xe mô tô cho anh P nên chị V, chị Mai A, anh T và anh D đi về.

Tối ngày 27/01/2020, anh H gọi điện bảo anh P đến nhà anh H lấy lại xe mô tô. Một lúc sau, H gọi điện cho anh H hỏi xe mô tô của anh P cất ở đâu thì anh H trả lời xe đang ở bếp nhà anh H. Ngay sau đó, H đến bếp nhà anh H lấy xe mô tô của anh P mang về cất ở nhà. Đến ngày 31/01/2020, H mang xe mô tô của anh P đến cửa hàng mua bán xe mô tô ở thôn T, xã D, huyện T, Hà Nội bán chiếc xe trên cho chủ cửa hàng là anh Nguyễn Huy T với giá 15.000.000 đồng. Khi bán, H nói chiếc xe mô tô này là của H. Hai bên viết giấy mua bán xe, H giao cho anh T xe mô tô BKS: 29M1-72189 cùng đăng ký xe và nhận số tiền 15.000.000 đồng sau đó cho lại anh T số tiền 200.000 đồng. Đến ngày 11/6/2020, anh T bán lại chiếc xe mô tô trên cho anh Phạm Văn T với giá 16.500.000 đồng.

Sau khi bị H chiếm đoạt chiếc xe mô tô BKS: 29M1-72189, anh P đã nhờ mẹ đẻ là bà Phạm Thị T (*là em gái của mẹ H*) đến gặp gia đình H khuyên bảo H trả lại Tài sản nhưng không được. Ngày 09/4/2020, anh P đã đến cơ quan Công an trình báo sự việc. Anh P khai bị chiếm đoạt chiếc xe và trong cốp xe có 01 sổ hộ khẩu, 01 giấy hướng dẫn thanh toán, 01 đăng ký xe mô tô BKS: 29M1-721.89 và căn cước công dân đều mang tên anh P.

Quá trình giải quyết vụ việc, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T đã thu giữ:

- 01 căn cước công dân, 01 sổ hộ khẩu và 01 giấy hướng dẫn thanh toán cùng mang tên anh Trần Nam P; 01 sổ hộ khẩu và 01 CMND cùng mang tên anh Nguyễn Văn N (Sinh năm: 1987; HKTT: thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh) và 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone của Nguyễn Đình H;

- 01 đăng ký xe mô tô BKS: 29M1-72189 mang tên anh Trần Nam P, 01 chiếc xe mô tô BKS: 29M1-72189 do anh Phạm Văn T giao nộp;

- 01 giấy H bán xe mô tô BKS: 29M1-72189 đề ngày 31/01/2020 cho anh Nguyễn Huy T với giá tiền 15.000.000 đồng;

Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T đã ra quyết định trưng cầu định giá Tài sản đối với chiếc xe mô tô BKS: 29M1-72189 là tang vật của vụ án. Tại Kết luận định giá Tài sản số 374/KLĐG ngày 29/5/2020 của Hội đồng định giá Tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận: **"01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda WaveA**

BKS: 29M1-72189 trị giá 18.611.600 đồng."

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Đình H không thừa nhận hành vi phạm tội. H khai: năm 2011 thuê xe ô tô nhãn hiệu Toyota Inova của anh Nguyễn Thành T (*Sinh năm: 1971; HKTT: thôn T, xã D, T, Hà Nội*) và rủ anh P đi chơi cùng. Khi đến khu vực tỉnh Hà Nam, anh P tự lên điều khiển xe ô tô dẫn đến va chạm làm đuôi chiếc xe bị hư hỏng. Khi về Hà Nội, H cùng anh T mang chiếc xe ô tô trên đến đại lý xe Toyota Giải Phóng sửa hết 15.000.000 đồng, H đã đưa cho anh T số tiền 13.000.000 đồng và còn nợ lại 2.000.000 đồng. Khi H nói lại với anh P về việc sửa xe, anh P nói sẽ có trách nhiệm trả lại H số tiền sửa xe nhưng đến nay chưa trả. Khoảng cuối năm 2011, anh P vay của H số tiền 3.000.000 đồng, đến ngày 14/12/2019, anh P tiếp tục vay H số tiền 3.500.000 đồng. Anh P đã trả cho H số tiền 500.000 đồng và còn nợ lại là 3.000.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền anh P nợ H là 21.000.000 đồng. Trưa ngày 26/01/2021, H và anh P cùng ăn cỗ ở nhà anh H tại thôn 4, xã Đ, T, Hà Nội. Khi thấy anh P và con trai là cháu P chuẩn bị đi về thì H đi ra đầu ngõ đợi anh P để đòi nợ. Khi thấy anh P điều khiển xe mô tô chở cháu P đi ra, H bảo anh P trả nợ cho H nhưng anh P nói không mang theo tiền, chờ anh P về nhà lấy tiền trả nợ. H không đồng ý, tiếp tục yêu cầu anh P trả tiền thì anh P gọi điện cho em gái là chị Mai A bảo chuyển tiền vào T khoản trả nợ cho H nhưng không được. Anh P đưa chiếc điện thoại cho H bảo cầm làm tin nhưng H không đồng ý. Khi thấy anh P định đi, H hỏi đi đâu thì anh P nói về nhà lấy tiền trả nợ cho H sau đó vứt lại chìa khóa xe mô tô cho H rồi bế cháu P bỏ đi. H dắt xe mô tô của anh P dựng vào sân nhà anh T sau đó đi về nhà anh H. H có nhờ anh H mang xe mô tô của anh P cất vào bếp nhà anh H. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, không thấy anh P quay lại, H gọi điện nhưng anh P cũng không nghe máy nên H đi về nhà. Khoảng 20 giờ cùng ngày, chị Mai A (*em gái anh P*) đến gặp và bảo H trả xe mô tô cho anh P. H nói bảo anh P gọi điện hoặc đến gặp thì H trả xe nên chị Mai A đi về. Ngày 27/01/2020, H gọi điện cho anh P không được nên đến nhà anh H mang chiếc xe mô tô của anh P về. H nhắn tin nhưng anh P không trả lời. Ngày 28/01/2020, anh P gọi điện thoại bảo H bán xe của anh P để trừ nợ. Ngày 31/01/2020, H mang xe mô tô của anh P đến bán cho anh T với giá 15.000.000 đồng.

Đối với việc H khai anh P nợ H tổng số tiền là 21.000.000 đồng, kết quả điều tra xác định: Năm 2011, H có một lần thuê xe ô tô của anh Nguyễn Thành T và xảy ra va chạm, dẫn đến xây xước xe. H đã bồi thường cho anh T số tiền 1.000.000 đồng. Ngày 15/9/2019, anh P đứng ra bảo lãnh để chị V vay của H số tiền 3.000.000 đồng. Ngoài ra, không có T liệu, chứng cứ nào khác thể hiện anh P vay nợ H.

Đối với việc H đánh H P gây thương tích, đề cướp Tài sản, ngày 06/8/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T đã ra Quyết định trưng cầu giám định đối với thương tích của anh P. Tuy nhiên, anh P đã từ chối giám định thương tích và không yêu cầu H phải bồi thường về dân sự.

Quá trình điều tra xác định: Khi anh Phạm Văn H mang chiếc xe máy của anh P đi cất giữ không biết H đánh H P để chiếm đoạt xe mô tô BKS: 29M1-72189 nên Cơ

quan Điều tra không có căn cứ xử lý đối với anh H.

Đối với anh Nguyễn Huy T, qua điều tra xác định: Khi mua chiếc xe mô tô BKS: 29M1-72189, anh T không biết chiếc xe trên là do H phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T không có căn cứ xử lý.

Đối với chiếc xe mô tô BKS: 29M1-72189 và 01 đăng ký xe mô tô BKS: 29M1-721.89; 01 căn cước công dân, 01 sổ hộ khẩu, 01 giấy hướng dẫn thanh toán cùng mang tên anh Trần Nam P. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T đã trao trả toàn bộ số Tài sản nói trên cho anh P. Sau khi nhận lại Tài sản, anh P không yêu cầu bồi thường dân sự.

Đối với việc anh Phạm Văn T mua chiếc xe mô tô BKS: 29M1-72189 của anh Nguyễn Huy T, sau đó tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T để giải quyết, anh T và anh T đã tự thỏa T việc anh T sẽ trả lại anh T số tiền 16.500.000 đồng. Anh T yêu cầu H bồi thường số tiền 15.000.000 đồng là số tiền anh T đã mua xe của H.

Đối với 01 CMND và 01 sổ hộ khẩu cùng mang tên anh Nguyễn Văn N, do anh N đã sinh sống và làm việc tại Đài Loan, hiện chưa về địa P nên Cơ quan điều tra đã ra Quyết định tách phần T liệu liên quan để tiếp tục xác minh, xử lý.

Đối với 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone thu giữ của Nguyễn Đình H, quá trình điều tra xác định là Tài sản của bị cáo và không liên quan đến vụ án.

Tại bản cáo trạng số 149/CT-VKS-TT ngày 06/9/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố Nguyễn Đình H phạm tội “Cướp Tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng Viện kiểm sát đã công bố. Thái độ ăn năn hối cải. Bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho anh T số tiền 15.000.000 đồng. Bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

Luật sư bào chữa cho bị cáo có ý kiến: Bị hại là người nợ tiền bị cáo nên bị cáo có việc đòi nợ. Bị cáo đã chặn đường bị hại để đòi nợ chứ không có ý định cướp Tài sản. Ý thức chủ quan của bị cáo là giữ xe máy để anh P trả nợ. Bị cáo không biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Đến nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại. Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp gây thiệt hại không lớn. Bị cáo là người tuân thủ pháp luật nên thuộc trường hợp phạm tội lần đầu và ít nghiêm trọng. Gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bố bị cáo được tặng thưởng Huân chương kháng chiến, bị cáo là lao động duy nhất trong gia đình. Do vậy, đề nghị Tòa án áp dụng điểm b, h,s khoản 1; khoản 2 điều 51, điều 54 Bộ luật hình sự, cho bị cáo được hưởng mức án 03 năm tù.

Anh Nguyễn Huy T có đơn xin xét xử vắng mặt và xác nhận đã nhận được 15 triệu đồng bồi thường. Anh T không còn yêu cầu gì về dân sự.

Chị Nguyễn Thị Thanh H là vợ bị cáo xác nhận đã tự nguyện trả cho anh T 15

triệu đồng. Vì đây là tiền chung vợ chồng nên không yêu cầu bị cáo trả lại.

Bà Phạm Thị Hồng trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn, vợ chồng già yếu, anh ruột của bị cáo bị chấn thương sọ não. Bị cáo là lao động duy nhất. Bố bị cáo được tặng thưởng Huân chương kháng chiến nên xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Đình H theo tội danh và điều luật được viện dẫn trong bản Cáo trạng số 149/CT-VKSTT ngày 06/9/2021 và đề nghị áp dụng điểm d khoản 2 điều 168; điểm b,s khoản 1, khoản 2 điều 51; điều 54; điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo với mức án từ 05 năm tù đến 06 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung theo khoản 6 điều 168 Bộ luật hình sự. Trả lại bị cáo chiếc điện thoại. Luật sư đề nghị áp dụng điểm h khoản 1 điều 51 BLHS là không phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc KH nại hành vi, quyết định tố tụng. Do vậy, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

[2]Về tội danh: Căn cứ quá trình thẩm vấn công khai tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai người bị hại, người làm chứng, lời khai của những người liên quan cũng như các T liệu, vật chứng thu giữ, kết luận giám định và các T liệu khác có trong hồ sơ đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 11 giờ 30 phút, ngày 26/01/2020, tại khu vực đường giáp chân đê thuộc thôn 4, xã Đ, huyện T, Hà Nội, Nguyễn Đình H đã dùng tuýp sắt bằng kim loại dài khoảng 70 cm, đường kính khoảng 02cm chặn đường, đánh, đe dọa để chiếm đoạt chiếc xe mô tô BKS: 29M1-72189 của anh Trần Nam P. Sau khi chiếm đoạt được Tài sản, bị cáo đã bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Trị giá Tài sản bị cáo chiếm đoạt được định giá là 18.611.600 đồng.

Hành vi của Nguyễn Đình H đã phạm vào tội “Cướp Tài sản” tội danh và hình phạt quy định tại điểm d khoản 2 điều 168 Bộ luật hình sự.

[3]Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Gia đình và bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục xong hậu quả. Nhân thân bị cáo có 02 tiền sự từ năm 2008 đến nay đã hết thời hiệu. Bố bị cáo được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì. Gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo là lao động duy nhất phải nuôi cha mẹ già và anh trai bị chấn thương sọ não. Do vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b,s khoản 1 và khoản

2 điều 51 Bộ luật hình sự.

[4]Trách nhiệm hình sự và hình phạt: Bị cáo Nguyễn Đình H, sinh năm 1983, văn hóa 12/12, như vậy, bị cáo đã có đủ năng lực, nhận thức để biết việc chiếm đoạt Tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Nhưng xuất phát từ bản tính hung hăng, không chịu tu dưỡng, rèn luyện và ý thức coi thường pháp luật, bị cáo đã sử dụng hung khí đe dọa, đánh người bị hại để chiếm đoạt Tài sản. Hành vi phạm tội của bị cáo được thực hiện với lỗi chủ quan, cố ý, liều lĩnh đã trực tiếp xâm hại Tài sản công dân và trật tự an toàn xã hội. Do vậy, căn cứ tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, xét thấy cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và đáp ứng công tác răn đe phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi lượng hình, Hội đồng xét xử xem xét đến bị cáo không có tiền án tiền sự, có 02 tiền án tiền sự giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự và nhiều tiền án tiền sự giảm nhẹ quy định tại khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự nên cho bị cáo được hưởng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt theo quy định tại điều 54 Bộ luật hình sự thể hiện sự khoan hồng của pháp luật cũng như chính sách đối xử nhân đạo đối với gia đình người có công với đất nước. Hạn tù của bị cáo kể từ bắt tạm giam 31/3/2021. Xét bị cáo hiện đang tạm giam nên không áp dụng hình phạt bổ sung theo khoản 6 điều 168 Bộ luật hình sự.

[5] Tang vật vụ án và án phí:

Anh P đã nhận lại Tài sản và không có yêu cầu gì về dân sự nên không xét.

Anh T đã được nhận số tiền bồi thường thiệt hại từ chị H là vợ bị cáo trả và không có yêu cầu gì về dân sự nên không xét. Việc anh T có trách nhiệm trả lại tiền bán xe cho anh T đã được anh T, anh T tự thỏa T giải quyết nên không xem xét. Nếu có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi các bên có yêu cầu, khởi kiện.

Đối với chiếc điện thoại thu giữ của bị cáo là Tài sản của bị cáo và không liên quan đến vụ án nên trả lại cho bị cáo.

Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi liên quan được quyền kháng cáo bản án theo qui định.

Vì các lý do trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố:

Nguyễn Đình H – sinh năm 1983

Phạm tội “Cướp Tài sản”

Căn cứ: điểm d khoản 2 điều 168; điểm b,s khoản 1, khoản 2 điều 51; điều 54; điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Đình H 05 (năm) năm tù về tội “Cướp Tài sản”. Hạn tù của bị cáo kể từ ngày bắt tạm giam là ngày: 31/3/2021.

Căn cứ: Điều 48 Bộ luật hình sự. Điều 106; điều 136; điều 331; điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Điều 21; điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án và danh mục kèm theo của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội khóa 14.

- Trả lại cho bị cáo 01 chiếc điện thoại di động Iphone Model A1453, số IMEI: 358758057791304 hiện đang lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 02/11/2021.

Nguyễn Đình H phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Trần Nam P vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Chị Nguyễn Thị Thanh H có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo phần liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Nguyễn Huy T và anh Phạm Văn Tuyền vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo phần liên quan trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận bản án:

- Bị cáo; người bị hại; người liên quan;
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND Hà Nội + VKSND T;
- Sở Tư pháp HN;
- Trại tạm giam số 2 CAHN
- Công an huyện T;
- Chi cục THA DS huyện T;
- UBND xã Đ, T, Hà Nội;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mạnh Hải